

UBND PHƯỜNG NAM GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA ANH ĐÀO

Số 02/TTr-HAĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Gia Nghĩa, ngày 02 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cấp dự toán Ngân sách nhà nước năm 2026

Kính gửi:

- UBND phường Nam Gia Nghĩa.
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Căn cứ công văn số 375/STC-NS, ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng về việc xây dựng dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026 và lập kế hoạch tài chính - Ngân sách Nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ nhu cầu thực tế của Trường Mầm non Hoa Anh Đào;

Nay trường Mầm non Hoa Anh Đào lập tờ trình xin cấp dự toán Ngân sách nhà nước năm 2026 như sau:

1. Lương và các khoản tính chất lương:	1.914.402.000 đồng
2. Kinh phí chi thường xuyên:	254.568.000 đồng
3. Nâng lương thường xuyên:	57.432.000 đồng
4. HĐLĐ bảo vệ NĐ 111/2022/NĐ-CP: (4.130.000đ+ các khoản đóng góp)/tháng	61.207.000 đồng
5. Hỗ trợ tiền tết:	6.000.000 đồng
6. Chế độ học sinh: Hỗ trợ chi phí học tập NĐ 105:	2.880.000 đồng
7. Tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP:	107.939.000 đồng
8. Gia hạn duy trì phần mềm kế toán MISA Mimosa Online hàng năm:	10.000.000 đồng
9. Gia hạn duy trì phần mềm QLTS MISA hàng năm:	5.000.000 đồng
10. Tiền kinh phí PCCC:	30.000.000 đồng
Tổng kinh phí tự chủ:	2.287.609.000 đồng
Tổng kinh phí không tự chủ tự chủ:	<u>161.819.000 đồng</u>
Tổng cộng:	2.449.428.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng.

Trên đây là dự toán năm 2026 của trường Mầm non Hoa Anh Đào.

Rất mong được sự quan tâm của lãnh đạo UBND phường Nam Gia Nghĩa và lãnh đạo Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thu

PHỤ LỤC THUYẾT MINH LƯƠNG DỰ TOÁN NĂM 2026

I. Căn cứ xây dựng dự toán lương

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Ngân sách Nhà nước Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2025/QH13
- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
- Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028.
- Căn cứ công văn số 375/STC-NS, ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc xây dựng dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026 và lập kế hoạch tài chính - Ngân sách Nhà nước 03 năm 2026-2028;
- 2. Căn cứ thực tế của đơn vị**
 - Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026: 11 người.
 - Số lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 01 người.
 - Nhu cầu chi trả tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

II. Nội dung dự toán tiền lương năm 2026

1. Tiền lương theo ngạch, bậc

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức: 11 người.
- Tổng hệ số lương: 36,44
- Mức lương cơ sở áp dụng: 2.340.000 đồng/tháng.
- Quỹ lương theo ngạch, bậc: 1.023.235.000 đồng/năm.

2. Các khoản phụ cấp

- Phụ cấp chức vụ: 28.080.000 đồng.
- Phụ cấp trách nhiệm: 5.616.000 đồng.
- Phụ cấp thâm niên ngành: 105.165.000 đồng.
- Phụ cấp ưu đãi nghề (nếu có): 326.093.000 đồng.
- Tổng cộng phụ cấp: 619.39.000 đồng/năm.

3. Các khoản đóng góp theo lương

- Bảo hiểm xã hội: $17,5\% \times 1.156.480.000 \text{ đồng} = 202.384.000 \text{ đồng}$.
- Bảo hiểm y tế: $3\% \times 1.156.480.000 \text{ đồng} = 34.694.000 \text{ đồng}$.
- Bảo hiểm thất nghiệp: $1\% \times 1.156.480.000 \text{ đồng} = 11.565.000 \text{ đồng}$.
- Kinh phí công đoàn: $2\% \times 1.156.480.000 \text{ đồng} = 23.130.000 \text{ đồng}$.
- Tổng kinh phí đóng góp: 271.773.000 đồng/năm.

4. Tổng hợp quỹ tiền lương và các khoản đóng góp

- Quỹ lương: 1.023.235.000 đồng.
- Phụ cấp: 619.394.000 đồng.
- Các khoản đóng góp: 271.773.000 đồng.
- Tổng cộng nhu cầu dự toán chi lương năm 2026: 1.914.402.000 đồng.

III. Nhận xét và kiến nghị

- So với dự toán năm 2025, quỹ lương năm 2026 tăng 0.05% do:
 - + Thay đổi về biên chế.
 - Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để đơn vị có căn cứ triển khai thực hiện.

Đại diện đơn vị lập dự toán

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu

DỰ TOÁN LƯƠNG, CÁC KHOẢN TÍNH CHẤT LƯƠNG THEO BẢNG LƯƠNG THÁNG 9/2025

Đơn vị: Nghìn đồng

Đơn vị: Ngân dòng																								
STT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025	Biên chế có mặt đến 01/7/2 025	Hệ số lương ngạch, bậc	Hệ số chức vụ	Hệ số phụ cấp khác (Trách nhiệm, độc hại, lưu động ...)	% thâm niên vượt khung	% thâm niên ngành	Quý tiền lương phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 7/2025 của biên chế được giao										Tổng lương 12 tháng	Chi thường xuyên theo định mức			Tổng lương giao các trường 2026	
									Tổng cộng lương, phụ cấp tháng 7	Lương theo ngạch bậc	Tổng các khoản phụ cấp	Trong đó						Các khoản đóng góp theo lương		Tổng định mức	10% tiết kiệm tiền lương	1,5 % khen thưởng		
												Phụ cấp khu vực	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp ưu đãi ngành (Công vụ)	Phụ cấp thâm niên ngành	Phụ cấp khác							
	TỔNG CỘNG																							
B	Sự nghiệp	0	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
I	Sự nghiệp mầm non																							
	Mầm non Hoa Anh Đào	11	10	36,44	1,00	0,20	0,00	103	159.533,53	85.269,60	51.616,19	12.870	2.340	0,00	27.174,42	8.763,77	468	22.647,74	1.914.402,35	287.160	28.716	3.877		2.168.970,01
1	Trần Thị Thu			4,32	0,35			20	21.189,73	10.108,80	7.999,29	1.170	819		3.824,73	2.185,56		3.081,64	254.276,76	38.142	3.814	515		288.089,21
2	Nguyễn Thu Hồng			3,66	0,25			17	17.592,72	8.564,40	6.512,69	1.170	585		3.202,29	1.555,40		2.515,63	211.112,59	31.667	3.167	428		239.185,28
3	Phạm Thị Thu Hà			3,34	0,20			16	15.936,35	7.815,60	5.862,64	1.170	468		2.899,26	1.325,38		2.258,11	191.236,14	28.685	2.869	387		216.665,77
4	Nguyễn Thị Huệ			3,34				16	15.102,09	7.815,60	5.155,96	1.170	0		2.735,46	1.250,50		2.130,53	181.225,06	27.184	2.718	367		205.323,47
5	Vũ Thị Thanh Huyền			3,34	0,00			11	14.619,48	7.815,60	4.765,18	1.170			2.735,46	859,72		2.038,70	175.433,70	26.315	2.632	355		198.762,00
6	Phan Thị Ngọc			3,34	0,00			11	14.619,48	7.815,60	4.765,18	1.170			2.735,46	859,72		2.038,70	175.433,70	26.315	2.632	355		198.762,00
7	Hoàng Thị Trang			2,72	0,00			7	11.808,44	6.364,80	3.843,22	1.170			2.227,68	445,54		1.600,43	141.701,34	21.255	2.126	287		160.544,08
8	Phạm Thị Thu Oanh			3,65	0,00				14.707,49	8.541,00	4.159,35	1.170			2.989,35	0,00		2.007,14	176.489,82	26.473	2.647	357		199.958,55
9	Trương T Hồng Thắm			2,41	0,00	0,10		5	10.690,68	5.639,40	3.659,76	1.170			1.973,79	281,97	234	1.391,52	128.288,18	19.243	1.924	260		145.347,30
10	Phan Thị Yên			2,26					9.552,11	5.288,40	3.020,94	1.170			1.850,94	0,00		1.242,77	114.625,37	17.194	1.719	232		129.867,68
11	Võ Thị Thu Huyền			4,06	0,20	0,10			13.714,97	9.500,40	1.872,00	1.170	468		0,00	0,00	234	2.342,57	164.579,69	24.687	2.469	333		186.464,67
II	Sự nghiệp tiểu học																							
III	Sự nghiệp THCS																							

KẾ TOÁN



Võ Thị Thu Huyền

Nam Gia Nghĩa ngày 01 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thu

UBND PHƯỜNG NAM GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA ANH ĐÀO

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG THÁNG 9 NĂM 2025

ĐVT: Đồng

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số % TN nghề	HSL	Mức lương cơ bản	Các khoản phụ cấp						Tổng cộng	Trừ 10,5 BHXH, BHYT, BHTN				Thực nhận
						C.vụ	K.vực	Ưu đãi	TN	TN nghề	Cộng		8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Cộng	
01	Trần Thị Thu	HT	20%	4,32	10.108.800	819.000	1.170.000	3.824.730		2.185.560	7.999.290	18.108.090	1.049.069	196.700	131.134	1.376.903	16.731.187
02	Nguyễn Thu Hồng	HP	17%	3,66	8.564.400	585.000	1.170.000	3.202.290		1.555.398	6.512.688	15.077.088	856.384	160.572	107.048	1.124.004	13.953.084
03	Phạm Thị Thu Hà	KP	16%	3,34	7.815.600	468.000	1.170.000	2.899.260		1.325.376	5.862.636	13.678.236	768.718	144.135	96.090	1.008.942	12.669.294
04	Nguyễn Thị Huế	GV	16%	3,34	7.815.600		1.170.000	2.735.460		1.250.496	5.155.956	12.971.556	725.288	135.991	90.661	951.940	12.019.616
05	Vũ Thị Thanh Huyền	GV	11%	3,34	7.815.600		1.170.000	2.735.460		859.716	4.765.176	12.580.776	694.025	130.130	86.753	910.908	11.669.868
06	Phan Thị Ngọc	GV	11%	3,34	7.815.600		1.170.000	2.735.460		859.716	4.765.176	12.580.776	694.025	130.130	86.753	910.908	11.669.868
07	Hoàng Thị Trang	GV	7%	2,72				2.227.680		0	2.227.680	2.227.680	0	0	0	0	2.227.680
08	Phạm Thị Thu Oanh	GV		3,65	8.541.000		1.170.000	2.989.350		0	4.159.350	12.700.350	683.280	128.115	85.410	896.805	11.803.545
09	Trương T Hồng Thắm	GV	5%	2,41	5.639.400		1.170.000	1.973.790	234.000	281.970	3.659.760	9.299.160	473.710	88.821	59.214	621.744	8.677.416
10	Phan Thị Yên	GV		2,26	5.288.400		1.170.000	1.850.940		0	3.020.940	8.309.340	423.072	79.326	52.884	555.282	7.754.058
11	Võ Thị Thu Huyền	KT		4,06	9.500.400	468.000	1.170.000		234.000	0	1.872.000	11.372.400	797.472	149.526	99.684	1.046.682	10.325.718
Tổng cộng				36,44	78.904.800	2.340.000	11.700.000	27.174.420	468.000	8.318.232	50.000.652	128.905.452	7.165.043	1.343.445	895.630	9.404.118	119.501.334

Lương ngạch bậc	6001	70.619.796
Phụ cấp chức vụ	6101	2.094.300
Phụ cấp khu vực	6102	11.700.000
Phụ cấp ưu đãi	6112	27.174.420
Phụ cấp trách nhiệm	6113	468.000
Phụ cấp thâm niên nghề	6115	7.444.818
Cộng		119.501.334

Nam Gia Nghĩa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

Kê toán **HIỆU TRƯỞNG**

Võ Thị Thu Huyền



Trần Thị Thu



Ngày ký: 08/09/2025 11:25:19
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 5 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI
Nội dung: Đã hoàn thành thanh
toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: 59/ 250908_1122472_2875001

Năm NS: 2025

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Trường mầm non Hoa Anh Đào

Tài khoản: 9523.4.1122472

Tại KBNN: Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chuyển tiền lương theo ngạch, bậc tháng 9/2025	6001	822	071	13	70.620.000
Chuyển tiền phụ cấp chức vụ tháng 9/2025	6101	822	071	13	2.094.000
Chuyển tiền phụ cấp khu vực tháng 9/2025	6102	822	071	13	11.700.000
Chuyển tiền phụ cấp ưu đãi tháng 9/2025	6112	822	071	13	27.174.000
Chuyển tiền phụ cấp trách nhiệm tháng 9/2025	6113	822	071	13	468.000
Chuyển tiền phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp vượt khung tháng 9/2025	6115	822	071	13	7.445.000
Tổng cộng					119.501.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm mười chín triệu năm trăm linh một nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Trường Mầm non Hoa Anh Đào

Địa chỉ: phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Tài khoản: 6350839724

Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh Đắk Nông

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 08 tháng 09 năm 2025

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Võ Thị Thu Huyền
Ngày ký: 08/09/2025 08:44:41
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường mầm non Hoa Anh Đào

Võ Thị Thu Huyền

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trần Thị Thu
Ngày ký: 08/09/2025 08:50:32
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường mầm non Hoa Anh Đào

Trần Thị Thu

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 08 tháng 09 năm 2025

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Nghĩa31 Nguyen Dien
Ngày ký: 08/09/2025 10:16:54
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 5 - Kho
bạc Nhà nước Khu vực XVI

Nghĩa31 Nguyen Dien

Người ký: Hai01 Ho Van
Ngày ký: 08/09/2025 11:04:01
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 5 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI

Hai01 Ho Van

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA GIÁO DỤC MẦM NON
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2020/NĐ-CP NĂM 2026**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện, thành phố	Hỗ trợ tiền ăn trưa								Hỗ trợ nấu ăn		Hỗ trợ giáo viên lớp ghép	Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kinh phí đã bố trí trong dự toán chi cân đối NSDP năm...	Kinh phí còn thừa/thiếu
		Kết quả (nhu cầu) thực hiện Kỳ II năm học 2025-2026				Nhu cầu thực hiện Kỳ I năm học 2026-2027									
		Đối tượng	Mức hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ	Kinh phí	Đối tượng	Mức hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ	Kinh phí	Số định suất nấu ăn	Kinh phí (2,4trđ/45TE /tháng)(*)				
A	B	1	2	3	4=1* 2*3	5	6	7	8=5*6*7	9	10	11	12=4+8+ 10+11	13	14= 12-13
	Tổng cộng														
8	Hoa Anh Đào	2	0,16	5	1,6	2	0,16	4	1,28				2,88		2,88

* 2,4 triệu đồng/01 tháng/45 trẻ em, dư trên 20 trẻ em được thêm 01 lần, nhưng không quá 5 lần/tháng, không quá 9 tháng/năm.

KẾ TOÁN



Võ Thị Thu Huyền

Nam Gia Nghĩa, ngày 01 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thu